



Article info

Type of article:

Scientific information paper

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.2.201-211>

***Corresponding author:**

Email address:

khoald@utt.edu.vn

Received: 19/01/2026

Received in Revised Form:
02/03/2026

Accepted: 08/03/2026

Developing interdisciplinary legal – technology thinking in human resource training in Vietnam nowadays: from theory to practice

Le Dang Khoa^{1*}, Nguyen Thuy Dung²

¹Faculty of Law and Politics, University of Transport Technology, Hanoi, Vietnam

²Law Faculty, Vietnam Women's Academy

Abstract: The Fourth Industrial Revolution is gradually reshaping every aspect of our country's socio-economic life. The legal field, long regarded as a stronghold of conservatism and tradition, is no exception when confronted with transformative changes. The rapid development of technology in legislative, executive, judicial and legal consulting activities has created an urgent need for a new generation of human resources who not only have a deep understanding of legal norms but also possess keen technological thinking, the ability to handle data, and an understanding of how digital systems operate. This article focuses on directly examining issues surrounding the theoretical and practical foundations for developing interdisciplinary law-technology thinking in legal education in Vietnam. From there, the article proposes several solutions to contribute to the development of interdisciplinary law-technology training in the current context of our country.

Keywords: Legal - technology thinking, legal workforce training, 4.0 revolution, skill development, legal training institutions.



Phát triển tư duy liên ngành Luật - Công nghệ trong đào tạo nhân lực ở Việt Nam hiện nay: Từ lý luận đến thực tiễn

Thông tin bài viết

Dạng bài viết:

Bài báo thông tin khoa học

DOI:

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.2.201-211>

*Tác giả liên hệ:

Địa chỉ Email:

khoald@utt.edu.vn

Ngày nộp bài: 19/01/2026

Ngày nộp bài sửa: 02/03/2026

Ngày chấp nhận: 08/03/2026

Lê Đăng Khoa^{1*}, Nguyễn Thuỳ Dung²

¹Khoa Luật - Chính trị, Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, Hà Nội, Việt Nam

²Khoa Luật, Học viện Phụ nữ Việt Nam

Tóm tắt: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang dần dần tái định hình mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội nước ta hiện nay. Lĩnh vực pháp lý vốn được xem là một thành trì của sự bảo thủ và truyền thống cũng không là ngoại lệ khi phải đứng trước những biến động mang tính kiến tạo. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ trong hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp và tư vấn pháp luật đã làm nảy sinh nhu cầu cấp thiết về một thể hệ nguồn nhân lực mới không chỉ am hiểu sâu sắc về quy phạm pháp luật mà còn sở hữu tư duy công nghệ nhạy bén, khả năng thao tác với dữ liệu và thấu hiểu cơ chế vận hành của các hệ thống số. Bài viết này tập trung nghiên cứu trực diện những vấn đề xoay quanh cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển tư duy liên ngành Luật - công nghệ trong đào tạo nhân lực ngành luật tại Việt Nam. Từ đó, bài viết đưa ra một số giải pháp để góp phần phát triển đào tạo liên ngành Luật - công nghệ trong bối cảnh nước ta hiện nay.

Từ khóa: Tư duy pháp lý - công nghệ, đào tạo nhân lực ngành Luật, cách mạng 4.0, phát triển kỹ năng, cơ sở đào tạo luật.

1. Giới thiệu

Thị trường lao động pháp lý tại Việt Nam đang trải qua một sự phân hóa mạnh mẽ. Bên cạnh các vị trí nghề luật truyền thống như luật sư tranh tụng, luật sư tư vấn, thẩm phán, kiểm sát viên, công chứng viên, chấp hành viên..., xã hội đang xuất hiện ngày càng nhiều các vị trí việc làm đòi hỏi sự kết hợp giữa kiến thức pháp lý và kỹ năng công nghệ. Theo các báo cáo tuyển dụng năm 2024, ngành công nghệ thông tin Việt Nam thiếu hụt khoảng 200.000 nhân lực. Có thể thấy, sự thiếu hụt trên có thể kéo theo việc nhu cầu lớn về nhân sự pháp lý am hiểu về công nghệ như: Chuyên viên pháp chế Fintech; chuyên gia bảo vệ dữ liệu; Kỹ sư pháp lý; Chuyên gia tuân thủ công nghệ... Để

giải quyết bài toán nhân lực pháp lý mà có am hiểu công nghệ trong kỷ nguyên số, chúng ta cần có một hệ thống giải pháp đồng bộ từ vĩ mô đến vi mô, tác động vào cả nhận thức, chương trình đào tạo và môi trường thực hành nhằm phát triển tư duy liên ngành trong đào tạo nhân lực tại Việt Nam, trong đó có tư duy liên ngành luật - công nghệ.

Bài viết này tập trung làm rõ các vấn đề từ lý luận cốt lõi xoay quanh tư duy liên ngành luật - công nghệ tại Việt Nam trong bối cảnh mới. Phạm vi nghiên cứu xuất phát từ các học thuyết kinh điển về bản chất của luật đến các lý thuyết hiện đại về luật tính toán và trí tuệ nhân tạo pháp lý. Đồng thời, bài viết cũng sẽ phân tích bối cảnh cụ thể của Việt Nam, nơi quá trình chuyển đổi số quốc gia đang

tạo ra những áp lực và cơ hội đặc thù cho hệ thống đào tạo nhân lực ngành luật vốn chịu ảnh hưởng sâu sắc của truyền thống Civil Law và các nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Trên cơ sở đó, bài viết nêu ra một số giải pháp phù hợp đối điều kiện hiện tại ở Việt Nam.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để làm rõ nội dung nghiên cứu, bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu luật học truyền thống và phương pháp tiếp cận đa ngành, đa lĩnh vực. Trong đó, phương pháp nghiên cứu chung sẽ được thực hiện để xem xét mối quan hệ biện chứng giữa kiến trúc thượng tầng (hệ thống pháp luật, đào tạo luật,...) và cơ sở hạ tầng (sự phát triển của công nghệ, kinh tế số,...). Ngoài ra, để làm sáng tỏ từng phần nội dung của bài viết, tác giả kết hợp sử dụng các phương pháp như phân tích tổng hợp, phương pháp so sánh luật học, phương pháp thống kê, phương pháp trừu tượng hoá,... và các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội khác.

3. Kết quả nghiên cứu - thảo luận

3.1. Khái quát chung về tư duy liên ngành Luật - Công nghệ

Lịch sử phát triển của nghề luật, từ thời La Mã cổ đại đến hệ thống thông luật (Common Law) và dân luật (Civil Law) hiện đại luôn gắn liền với tư duy ngôn ngữ và logic quy phạm. Trong hàng thế kỷ, công cụ lao động chính của luật sư là văn bản, ngôn từ và khả năng lập luận dựa trên các tiền lệ hoặc điều luật. Bởi vậy, chương trình đào tạo nhân lực ngành luật truyền thống thường được xây dựng trên mô hình phân tích giáo điều, nơi pháp luật được xem là một hệ thống khép kín, giảng viên thực hiện giảng dạy với phương pháp sư phạm là cung cấp cung cấp cho người học những vấn đề pháp lý cơ bản, điển hình xoay quanh các nội dung: hệ thống các môn lý luận cơ bản – đại cương; lịch sử nhà nước và pháp luật; hệ thống các môn học chuyên ngành luật cơ bản ... và một số kỹ năng tranh tụng, kỹ năng pháp chế mà chưa đặt trọng tâm vào các kiến thức ngoài luật như công nghệ, kinh doanh hay phân tích dữ liệu lớn [1]. Tuy nhiên, quan điểm hiện đại, đặc biệt là từ sau những năm 1960 với sự trỗi dậy của các trào lưu Luật và Xã

hội hay Luật và Kinh tế đã chỉ ra rằng pháp luật vốn dĩ mang tính liên ngành. Bởi quan hệ pháp luật nó là quan hệ xã hội được thể hiện dưới hình thức pháp lý điều chỉnh các quan hệ xã hội phức tạp từ kinh tế, văn hóa đến y tế và giáo dục, do đó không thể tách rời khỏi bối cảnh mà nó vận hành [2]. Điều này dẫn đến, khi xã hội phát triển, đặc biệt là công nghệ thông tin phát triển hiện đại như ngày nay, việc đào tạo ngành luật càng cần được đặt trong bối cảnh chung, cần nhìn nhận sâu sắc hơn sự liên hệ giữa khoa học pháp lý và sự phát triển của công nghệ, tính ứng dụng của công nghệ vào quá trình đào tạo ngành luật và hành nghề luật.

Cho đến nay, các thành quả công nghệ trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang tác động đến mọi mặt của xã hội làm nảy sinh các vấn đề pháp lý mới, quan hệ xã hội mới cần được giải quyết bằng tư duy đa ngành, đa lĩnh vực chứ không chỉ dừng lại ở việc lồng ghép kiến thức giữa các chuyên ngành với nhau. Một số lý thuyết đã xuất hiện để giải quyết mối quan hệ giữa pháp lý – công nghệ mà trong đó trọng tâm là việc xác định lĩnh vực nào mang tính chất cốt lõi, nền tảng là tối quan trọng. Đối với đào tạo nhân lực ngành luật, pháp luật phải đóng vai trò then chốt trong xác định các giá trị, quyền và trách nhiệm pháp lý của các chủ thể. Trong khi, công nghệ ngày nay sẽ đóng vai trò cung cấp bối cảnh hoặc các công cụ giải quyết các quan hệ pháp luật được điều chỉnh trong thực tiễn. Trước bối cảnh đó, sự chuyển dịch trong yêu cầu về nguồn nhân lực mới đã dẫn đến nhu cầu cấp thiết về việc đào tạo tư duy liên ngành nói chung và tư duy liên ngành luật – công nghệ trong đào tạo nhân lực ngành luật nói riêng.

Hình thái tư duy liên ngành nêu trên không đơn thuần là việc cộng gộp kiến thức của hai hay nhiều lĩnh vực, mà là sự tích hợp sâu sắc nơi ranh giới giữa các ngành bị xóa nhòa để tạo ra một phương pháp tiếp cận mới. Theo quan điểm duy vật biện chứng, cơ sở tự nhiên của tư duy là bộ óc con người phản ánh hiện thực khách quan, và cơ sở xã hội là lao động và ngôn ngữ [3]. Khi "hiện thực khách quan" bị số hóa và "lao động" ngày càng bị chi phối bởi máy móc và thuật toán, tư duy

pháp lý cũng phải tiến hóa cho phù hợp. Điều này đòi hỏi người hành nghề luật phải có khả năng "phiên dịch" qua lại giữa hai ngôn ngữ ngôn ngữ pháp lý (quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm) và ngôn ngữ công nghệ (mã lệnh, dữ liệu, logic hệ thống) để giải quyết các vấn đề pháp lý và ngược lại cũng phải biết sử dụng các nguyên tắc pháp quyền (công bằng, minh bạch, trách nhiệm giải trình) để thiết kế và kiểm soát các hệ thống công nghệ. Mối quan hệ này không phải theo hướng một chiều mà là sự tác động qua lại và biện chứng. Một mặt, công nghệ phục vụ nghề luật bằng việc công nghệ cung cấp các công cụ để nâng cao hiệu quả của hoạt động tư pháp, quản trị nhà nước và hành nghề luật. Mặt khác, pháp luật điều chỉnh, giới hạn hoạt động công nghệ - pháp luật tạo ra hành lang an toàn, các chuẩn mực đạo đức và giới hạn cho sự phát triển của công nghệ (ví dụ: luật bảo vệ dữ liệu, luật an ninh mạng, quy định về AI). Tư duy liên ngành Luật - Công nghệ chính là khả năng nắm bắt và vận dụng đồng thời cả hai chiều tác động đòi hỏi nhân lực nghề luật không chỉ tư duy theo hướng "hậu kiểm" (giải quyết tranh chấp khi đã xảy ra) mà phải tư duy quản trị rủi ro, dự báo hệ thống ngăn ngừa tranh chấp ngay từ đầu.

Về mặt bản thể luận, phương pháp tư duy luật - công nghệ là một phương thức tư duy tổng hợp, đòi hỏi chủ thể phải có khả năng giải mã các vấn đề pháp lý thông qua lăng kính của logic thuật toán và ngược lại, kiến tạo các giải pháp công nghệ dựa trên nền tảng của các giá trị và quy phạm pháp luật. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ như hiện nay, việc ứng dụng công nghệ vào việc thực hiện phân tích, nghiên cứu, làm rõ tình tiết pháp lý, tổng hợp các giải pháp pháp lý có thể đưa ra trong tình huống cụ thể ngày càng trở nên cần thiết, tăng tính hiệu quả cho các hoạt động pháp lý và các hoạt động áp dụng pháp luật.

3.2. Một số mô hình đào tạo tư duy liên ngành Luật - công nghệ trên thế giới hiện nay

3.2.1. Mô hình của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

Trong Hoa Kỳ nơi được coi là cái nôi của sự giao thoa giữa luật học và công nghệ, bởi vậy việc phát triển tư duy liên ngành Luật – công nghệ

không còn là một lựa chọn mang tính bổ trợ mà đã trở thành một yêu cầu cốt lõi của năng lực hành nghề. Với sự đa dạng và phức tạp của các giao dịch thương mại số cũng như các vấn đề pháp lý mới phát sinh (như trách nhiệm pháp lý của AI, bảo mật dữ liệu xuyên biên giới) đòi hỏi luật sư phải có khả năng giao tiếp và cộng tác với các chuyên gia kỹ thuật. Điều này dẫn đến sự ra đời của mô hình "T-shaped Lawyer". Trong mô hình T-shaped, nhân sự nghề luật đòi hỏi phải có những tư duy liên ngành theo các chiều như sau: (1) Thanh dọc- đại diện cho kiến thức pháp lý chuyên sâu và kỹ năng cốt lõi của nghề luật. Đây là nền tảng không thể thay thế, đảm bảo tính chính danh và chất lượng tư vấn; (2) Thanh ngang- đại diện cho các kỹ năng mở rộng giúp luật sư cộng tác hiệu quả [4]. Tại các chương trình đào tạo chuyên ngành Luật tiên tiến ở Hoa Kỳ thanh ngang này bao gồm: hiểu biết về công nghệ, phân tích dữ liệu, tư duy thiết kế, quản trị dự án và sự thấu cảm kinh doanh. Các nghiên cứu chỉ ra rằng luật sư "T-shaped" không nhất thiết phải biết lập trình như một kỹ sư phần mềm nhưng họ phải sở hữu "tư duy máy tính" để hiểu cách hệ thống vận hành, từ đó đưa ra các tư vấn pháp lý khả thi về mặt kỹ thuật và tối ưu về mặt chi phí. Tại các hãng luật lớn và bộ phận pháp chế của các tập đoàn công nghệ (Big Tech) năng lực này giúp luật sư chuyển đổi từ vai trò "người gác cổng" rủi ro sang vai trò "đối tác chiến lược" kiến tạo giải pháp. Cụ thể, một số chương trình giảng dạy điển hình trong phát triển tư duy liên ngành Luật – Công nghệ tại Hoa Kỳ như sau:

- Mô hình đào tạo tại Đại học Georgetown Law (Viện Luật và Chính sách Công Nghệ): Đại học Georgetown Law tập trung mạnh vào việc phát triển tư duy liên ngành Luật - Công nghệ cho sinh viên dựa trên sự giao thoa giữa luật, công nghệ và chính sách công với Chương trình "Iron Tech Lawyer" - đây là một sáng kiến giáo dục độc đáo nhằm trang bị kỹ năng công nghệ thực chiến cho sinh viên luật. Sinh viên tham gia một khóa học kéo dài một kỳ, nơi họ làm việc theo nhóm để xây dựng các ứng dụng pháp lý phục vụ cộng đồng. Đặc biệt là sinh viên sử dụng các nền tảng "no-

code" hoặc "low-code" (như Neota Logic, Documate) để phát triển ứng dụng nghĩa là sinh viên không cần phải viết mã lập trình phức tạp. Chương trình này dạy sinh viên tư duy logic quy trình, cách cấu trúc một vấn đề pháp lý thành các cây quyết định và cách tự động hóa quy trình tư vấn. Sản phẩm đầu ra là các ứng dụng thực tế giúp người dân tự tra cứu khả năng thụ hưởng trợ giúp pháp lý hoặc tự soạn thảo văn bản đơn giản. Qua chương trình đào tạo này sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về công nghệ và pháp lý, hình thành tư duy liên ngành pháp lý – công nghệ trong việc giải quyết những tình huống thực tiễn.

- Chương trình Thạc sĩ Luật và Công Nghệ: Đại học Georgetown Law là một trong những trường đầu tiên tại Hoa Kỳ cung cấp chương trình đào tạo sau đại học với Thạc sĩ Luật và Công nghệ dành riêng cho những người không có bằng luật. Đối tượng tham dự học là Kỹ sư, nhà khoa học dữ liệu, doanh nhân công nghệ muốn hiểu về khung pháp lý. Học viên Thạc sĩ Luật và Công Nghệ học chung các lớp với sinh viên chuyên ngành công nghệ. Sự pha trộn này tạo ra môi trường học tập đa chiều, nơi luật sư học tư duy kỹ thuật từ kỹ sư và kỹ sư học tư duy tuân thủ từ luật sư. Các môn học bao gồm "AI và Luật", "Chính sách An ninh mạng", và "Quản trị nền tảng số". Chương trình giảng dạy chi tiết với các môn chuyên ngành chuyên sâu, bao gồm "Luật Hành chính" (tập trung vào quy trình ra quyết định của cơ quan quản lý công nghệ), "Hội thảo Bằng sáng chế Nâng cao" và "Chính sách Viễn thông". Sinh viên được yêu cầu hoàn thành một dự án đồ án tốt nghiệp mang tính thực tiễn cao, thường là một đề án chính sách hoặc một giải pháp công nghệ pháp lý.

Như vậy, có thể thấy rằng các chương trình đào tạo nêu trên đã có sự kết nối mạnh mẽ giữa tư duy pháp luật và kỹ năng công nghệ. Trong bối cảnh công nghệ phát triển như hiện nay, các vấn đề pháp lý nảy sinh rất đa dạng (tội phạm mạng, thống kê dữ liệu, kỹ năng công nghệ, quản lý nhà nước bằng số hoá,...), do vậy, các chương trình đào tạo nêu trên cũng đã góp phần tạo ra cho người học những kiến thức, kỹ năng để xử lý được

các vấn đề pháp lý trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ toàn cầu.

3.2.2. Mô hình của Trung Quốc

Trung Quốc được coi là một trong những quốc gia tại Châu Á đang nổi lên như những trung tâm đào tạo luật - công nghệ năng động với sự hỗ trợ mạnh mẽ từ chính sách quốc gia về chuyển đổi số. Đại học Thanh Hoa (Tsinghua University) - định chế giáo dục hàng đầu của Trung Quốc đã tiên phong thiết lập một hệ sinh thái đào tạo liên ngành Luật - Công nghệ với trọng tâm là chuyên ngành "Luật học tính toán" (Computational Law). Theo quan điểm chủ đạo tại Đại học Thanh Hoa, được đại diện bởi Giáo sư Shen Weixing (Thân Vệ Tinh) - Viện trưởng Trường Luật, sự giao thoa giữa luật và công nghệ không nên chỉ dừng lại ở cấp độ công cụ (sử dụng công nghệ để hỗ trợ luật sư) hay cấp độ đối tượng (pháp luật điều chỉnh hành vi trên internet). Thay vào đó, cần một sự chuyển dịch mô thức sang "Luật học Tính toán" - nơi tư duy tính toán được tích hợp vào chính bản thể luận và phương pháp luận của khoa học pháp lý. Sự khác biệt căn bản này được thể hiện qua việc Trường Luật Thanh Hoa không chỉ đào tạo sinh viên hiểu về các quy định pháp lý điều chỉnh không gian mạng mà còn trang bị cho họ khả năng tư duy để "mã hóa" các quy phạm pháp luật thành các thuật toán có thể thực thi, hoặc sử dụng các phương pháp định lượng để phân tích hành vi tư pháp. Đây là bước chuyển từ tư duy định tính truyền thống sang tư duy định lượng và thực nghiệm dựa trên dữ liệu trong đào tạo luật [5].

Chương trình đào tạo tại Thanh Hoa được xây dựng trên sự nhấn mạnh sự xóa bỏ ranh giới cứng nhắc giữa khoa học xã hội và khoa học tự nhiên. Triết lý này được cụ thể hóa qua phương pháp tiếp cận "định hướng vấn đề" thay vì bắt đầu từ các học thuyết pháp lý trừu tượng, sinh viên được đặt trước các bài toán thực tiễn của nền kinh tế số Trung Quốc: Làm thế nào để xác định quyền sở hữu dữ liệu trong các nền tảng số? Trách nhiệm pháp lý của thuật toán xe tự hành là gì? Làm sao để đảm bảo tính công bằng khi sử dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ phán quyết. Để giải quyết các vấn đề

này, Đại học Thanh Hoa đã thiết lập một mạng lưới hợp tác chặt chẽ giữa Trường Luật; Khoa Khoa học máy tính và Công nghệ; Trường Phần mềm và Trường Khoa học Xã hội tạo nên một ma trận giáo dục đa chiều, nơi kiến thức pháp lý và kỹ thuật công nghệ cùng tồn tại và bổ trợ lẫn nhau [6]. Đồng thời, mặc dù sinh viên luật không được đào tạo để trở thành lập trình viên chuyên nghiệp, họ được yêu cầu phải có "Tư duy Tính toán". Thực tế cho thấy, trong chương trình đào tạo có thiết kế các môn học hoặc module liên quan đến ngôn ngữ lập trình (như Python) và logic học trong các khóa học liên ngành hoặc tự chọn. Mục tiêu không phải là để sinh viên viết phần mềm thương mại mà để họ hiểu cách máy tính xử lý thông tin, từ đó có thể giao tiếp hiệu quả với các kỹ sư và thiết kế các quy định pháp lý phù hợp với kiến trúc công nghệ [7].

Chương trình Thạc sĩ Luật (Juris Master) với chương trình đào tạo tổng cộng khoảng 81 tín chỉ được phân bổ nghiêm ngặt giữa các khối kiến thức: (1) Khối kiến thức pháp luật cốt lõi (34 tín chỉ) bao gồm các môn học nền tảng như Dân luật, Hình luật, Hiến pháp, Tố tụng dân sự... Điều này đảm bảo sinh viên giữ vững kiến thức nền tảng của một chuyên gia pháp lý; (2) Khối kiến thức đặc thù Luật học - Công nghệ (Tối thiểu 22 tín chỉ), học viên phải hoàn thành các môn học chuyên sâu về sự giao thoa giữa luật và công nghệ giúp phát triển tư duy liên ngành Luật - công nghệ; (3) Thực hành bắt buộc (15 tín chỉ) bao gồm thực tập tại các tòa án thông minh, công ty luật công nghệ hoặc các dự án nghiên cứu thực tế; (4) Luận văn Tốt nghiệp (10 tín chỉ): Yêu cầu giải quyết một vấn đề pháp lý cụ thể bằng phương pháp luận của luật học tính toán hoặc phân tích một vấn đề công nghệ dưới góc độ pháp lý [8]. Để giải quyết thách thức về khoảng cách tri thức giữa hai lĩnh vực, Đại học Thanh Hoa áp dụng cơ chế hướng dẫn kép cho sinh viên cao học chuyên ngành Luật học. Mỗi sinh viên sẽ có hai người hướng dẫn một Giáo sư từ Trường Luật (phụ trách nội dung pháp lý) và một chuyên gia từ các khoa kỹ thuật (Khoa học máy tính, Phần mềm) hoặc chuyên gia thực vụ từ các công ty công nghệ/cơ quan tư pháp (phụ trách phương pháp kỹ

thuật và ứng dụng thực tiễn) nhằm đảm bảo luận văn và các dự án nghiên cứu của sinh viên vừa đảm bảo tính chính xác về mặt pháp lý vừa khả thi về mặt kỹ thuật. Ngoài hai người hướng dẫn chính, nhà trường còn thành lập các tổ hướng dẫn tập thể bao gồm các chuyên gia đa ngành để hỗ trợ sinh viên trong quá trình nghiên cứu.

Thông qua việc nghiên cứu 02 mô hình đào tạo tiên tiến trên thế giới là Hoa Kỳ và Trung Quốc sẽ cung cấp những bài học quý giá cho Việt Nam, giúp nhận diện các xu hướng và phương pháp tiếp cận hiệu quả trong việc phát triển tư duy luật - công nghệ trong đào tạo nguồn nhân lực tại Việt Nam hiện nay. Cụ thể hơn, có thể thấy tư duy liên ngành Luật - công nghệ là một thực tế đã tồn tại, cần nhanh chóng thiết lập các chương trình đào tạo có tính chất liên ngành Luật - công nghệ, đáp ứng yêu cầu phát triển trong kỷ nguyên số của Việt Nam hiện nay, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong các hoạt động tư pháp, hành nghề luật,...

3.3. Thực trạng phát triển tư duy liên ngành luật – công nghệ trong đào tạo nguồn nhân lực ngành luật ở Việt Nam hiện nay

Việt Nam đã có những bước chuẩn bị quan trọng về mặt chính sách trong phát triển đào tạo nguồn nhân lực nói chung và đào tạo nguồn nhân lực ngành luật nói riêng. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 30/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" và Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 25/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Khung năng lực số cho người học; Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 25/03/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học là những văn bản pháp lý nền tảng, yêu cầu các cơ sở giáo dục phải cập nhật chương trình đào tạo. Đặc biệt, Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT đã cụ thể hóa các yêu cầu về năng lực dữ liệu, an toàn thông tin và sử dụng trí tuệ nhân tạo, đặt ra chuẩn mực mới cho sinh viên tốt nghiệp đại học, trong đó có sinh viên luật. Tính đến năm 2024, thống kê cho thấy cả nước có hơn 90 cơ sở giáo dục đại học tham gia đào tạo cử

nhân luật. Mạng lưới này có thể được phân loại thành ba nhóm chính, mỗi nhóm có đặc thù riêng về nguồn lực và định hướng:

Thứ nhất, nhóm các trường chuyên ngành trọng điểm: Đại diện tiêu biểu là Đại học Luật Hà Nội (HLU) và Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (ULAW). Đây là hai cơ sở chịu sự quản lý trực tiếp hoặc có liên hệ chặt chẽ với Bộ Tư pháp và Bộ Giáo dục và Đào tạo, được đầu tư nguồn lực lớn để thực hiện nhiệm vụ chính trị theo Quyết định 1156/QĐ-TTg.

Thứ hai, nhóm các khoa/trường thành viên thuộc Đại học Quốc gia và Đại học vùng: Bao gồm Trường Đại học Luật - ĐHQG Hà Nội (VNU-UL), Trường Đại học Kinh tế - Luật (UEL) thuộc ĐHQG TP.HCM và Khoa Luật thuộc Đại học Huế. Nhóm này có thế mạnh về tính liên ngành, thừa hưởng nền tảng học thuật và uy tín của hệ thống Đại học Quốc gia, thường dẫn đầu về nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

Thứ ba, nhóm các trường đa ngành và tư thực: Sự tham gia của các trường như Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Tôn Đức Thắng, Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM (UEF), Đại học Công nghiệp TP.HCM... đã làm thay đổi bức tranh đào tạo. Các trường này thường tiếp cận đào tạo luật từ góc độ kinh tế, thương mại, hoặc tích hợp kỹ năng thực tiễn để cạnh tranh.

Cụ thể, về phát triển tư duy liên ngành nói chung và tư duy liên ngành luật - công nghệ nói riêng tại các cơ sở đào tạo ở Việt Nam đã được phát triển trong các chương trình đào tạo nhân lực ngành luật tại một số cơ sở giáo dục tại Việt Nam đã bước đầu được ứng dụng. Mặc dù, hiện tại chưa có mã ngành riêng về Luật Công nghệ nhưng một số trường đại học đào tạo nhân lực ngành luật đã tích cực tổ chức các hoạt động học thuật chuyên sâu như tọa đàm "Ứng dụng AI & Blockchain trong ngành Luật - Siêu trợ lý học tập" phối hợp với Hiệp hội Blockchain Việt Nam (Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh). Đặc biệt, mô hình "Phiên tòa giả định" (VMoot) cấp quốc gia do Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh tổ chức đã trở thành một

thương hiệu uy tín, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tranh tụng. Gần đây, các chủ đề tranh tụng đã bắt đầu mở rộng sang các tranh chấp liên quan đến đầu tư quốc tế và công nghệ, phản ánh nỗ lực cập nhật thực tiễn của nhà trường. Làn sóng bổ sung các chuyên đề kỹ năng công nghệ pháp lý, các vụ việc tranh chấp về lĩnh vực công nghệ hoặc các vấn đề công nghệ điển hình đã bước đầu giúp các cơ sở đào tạo nhân lực ngành luật hình thành tư duy liên ngành Luật - công nghệ cho sinh viên.

Tuy nhiên, vấn đề phát triển tư duy liên ngành Luật - công nghệ trong đào tạo nhân lực ngành luật hiện nay còn tồn tại một số hạn chế, bất cập điển hình sau:

Một là, khung chương trình đào tạo cứng nhắc và thiên về lý thuyết. Hệ thống giáo dục luật tại Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của truyền thống Civil Law và mô hình giáo dục Xô Viết trước đây với đặc trưng là tính hàn lâm và sự phân chia rạch ròi giữa các chuyên ngành luật. Các chương trình đào tạo cử nhân luật tại các cơ sở đào tạo luật thường kéo dài 4 năm với khoảng 120-140 tín chỉ. Phần lớn thời lượng dành cho các môn lý luận chính trị và các môn luật nội dung (Dân sự, Hình sự, Hành chính, Đất đai,... và một số môn kỹ năng thực hành nghề luật). Các môn học liên quan đến công nghệ thường chỉ đóng vai trò tự chọn hoặc mới được đưa vào thí điểm gần đây. Khái niệm "Pháp luật về công nghệ" hay "Tư duy thiết kế" vẫn còn rất mới mẻ và chưa được tích hợp hệ thống vào giáo trình chính quy.

Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 25/03/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học yêu cầu tỷ lệ thực hành cao trong chương trình đào tạo luật. Đây là nhu cầu chính đáng từ xã hội và nhà tuyển dụng, nhưng việc triển khai không đơn giản. Tuy nhiên, với tổng khung chương trình với 120 tín chỉ, chương trình còn phải bố trí nhóm tín chỉ không bắt buộc để đưa các môn kỹ năng vào giảng dạy thì không còn thời lượng để bổ sung các môn liên quan đến tư duy liên ngành Luật - công nghệ hoặc nếu có chỉ là các môn tự chọn với thời lượng từ 2-3 tín chỉ. Điển hình,

chương trình đào tạo tại Đại học Luật Hà Nội. Mặc dù là cơ sở đào tạo luật trọng điểm, Đại học Luật Hà Nội vẫn duy trì cấu trúc chương trình đào tạo mang tính hàn lâm truyền thống. Cấu trúc bao gồm: Khối kiến thức đại cương: Chiếm khoảng 19% (25 tín chỉ), bao gồm các môn lý luận chính trị bắt buộc (Triết học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh); Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: chiếm khoảng 68% (88 tín chỉ), là lõi của chương trình với các môn luật nội dung; Khối kiến thức tốt nghiệp: Chiếm khoảng 13% (16 tín chỉ), bao gồm thực tập và khóa luận. Khảo sát chương trình đào tạo cho thấy các học phần liên quan đến công nghệ chủ yếu dừng lại ở mức kỹ năng bổ trợ như "Tin học cơ sở" hoặc "Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản". Các nội dung về công nghệ pháp lý, trí tuệ nhân tạo hay Blockchain chưa được thiết kế thành các học phần bắt buộc có hệ thống trong chương trình cử nhân chuẩn.

Có thể nhận thấy, về cơ bản các chương trình đào tạo luật hiện nay chưa thể hiện được chương trình liên ngành Luật - Công nghệ; chưa có nhiều ứng dụng công nghệ trong đào tạo ngành luật và kỹ năng công nghệ để thuận lợi cho người hành nghề luật sau này.

Hai là, tư duy liên ngành Luật - công nghệ của nhân lực ngành luật còn hạn chế ở một số điểm cốt lõi. Có thể nhận thấy những điểm hạn chế nổi bật sau: Thiếu tư duy dữ liệu, sinh viên luật thường có xu hướng tư duy định tính, thiếu khả năng làm việc với các con số và dữ liệu lớn, trong khi đây là yêu cầu bắt buộc của quản trị hiện đại; Kỹ năng công nghệ sơ khai, phần lớn chỉ dừng lại ở kỹ năng văn phòng, chưa có khả năng sử dụng các phần mềm chuyên dụng hoặc hiểu biết về an toàn thông tin; Khả năng thích ứng kém, tư duy pháp lý truyền thống cứng nhắc khiến sinh viên chậm thích nghi với các mô hình kinh doanh mới (như kinh tế chia sẻ, tài sản số), dẫn đến việc tư vấn pháp lý thường đi sau thực tiễn. Có thể nhận thấy, hạn chế này có phần được nhìn nhận từ phía người tham gia học tập ngành luật. Một phần sinh viên ngành luật được tuyển chọn từ thí sinh dự thi khối ngành xã hội, cho nên việc tiếp cận công

nghệ, tiếp cận các tư duy công nghệ, tiếp cận về khoa học tự nhiên, máy tính, các tính toán định lượng,... còn những khó khăn nhất định. Nguyên nhân sâu xa nằm ở sự thiếu hụt đội ngũ giảng viên có trình độ liên ngành, chương trình đào tạo chậm đổi mới do cơ chế cứng nhắc và sự đầu tư chưa tương xứng cho cơ sở vật chất công nghệ (phòng Lab, phần mềm bản quyền).

Ba là, thiếu hụt giảng viên, nhà nghiên cứu có chuyên môn sâu về luật - công nghệ. Tại Việt Nam, chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030 với ba trụ cột Chính phủ số - Kinh tế số - Xã hội số đã được ban hành. Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI đến năm 2030 được Thủ tướng phê duyệt, đặt mục tiêu đưa Việt Nam vào nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN về trí tuệ nhân tạo. Song thực tiễn cũng đặt ra nhiều thách thức về sự thiếu hụt nguồn nhân lực trí tuệ nhân tạo chất lượng cao; thiếu cơ sở dữ liệu mở, chuẩn hóa phục vụ nghiên cứu trí tuệ nhân tạo; cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn yếu, đặc biệt tại các trường đại học và địa phương; nhận thức và ứng dụng công nghệ số chưa đồng đều giữa các ngành và khu vực.

Chất lượng giảng viên là yếu tố then chốt quyết định chất lượng đào tạo. Số liệu thống kê năm 2024 cho thấy tỷ lệ giảng viên đại học có trình độ Tiến sĩ trên cả nước đã tăng lên mức khoảng 35% (năm 2024) so với mức 25% của năm 2018. Mục tiêu đặt ra là đến năm 2030, các trường có đào tạo Tiến sĩ phải đạt tỷ lệ giảng viên Tiến sĩ trên 50%; Tỷ lệ Giáo sư/Phó Giáo sư chuyên ngành Luật hoặc công nghệ rất khiêm tốn. Tỷ lệ giảng viên có chức danh Giáo sư trong toàn hệ thống giáo dục đại học chỉ đạt khoảng 0.89% [9], [10]. Sự thiếu hụt các chuyên gia đầu ngành nói chung và liên quan đến liên ngành Luật - công nghệ nói riêng là một trở ngại lớn cho việc phát triển các trường luật thành các trung tâm nghiên cứu tầm cỡ khu vực. Hơn nữa, một hạn chế lớn là sự thiếu hụt các giảng viên có kinh nghiệm thực tiễn, nhiều giảng viên đi theo lộ trình từ sinh viên giỏi lên làm giảng viên mà chưa từng trải qua công tác xét xử hay tư vấn luật, dẫn đến việc giảng dạy mang tính hàn lâm, xa rời

thực tế sinh động của đời sống pháp lý công nghệ biết đổi không ngừng.

Bốn là, hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo tại một số trường trọng điểm tương đối đầy đủ nhưng tại các trường mới mở mã ngành, nguồn học liệu chuyên khảo và quyền truy cập vào các cơ sở dữ liệu luật quốc tế (như Westlaw, HeinOnline) còn rất hạn chế. Việc đầu tư cho các hệ thống phần mềm pháp lý chuyên dụng (như các nền tảng e-Discovery quốc tế, hay các phần mềm quản lý hợp đồng AI) rất tốn kém. Sinh viên thiếu môi trường thực hành trên các công cụ mà các hãng luật quốc tế đang dùng. Đặc biệt, tài liệu giảng dạy về về tư duy luật - công nghệ chủ yếu bằng tiếng Anh. Việc biên soạn giáo trình tiếng Việt gặp khó khăn do công nghệ thay đổi quá nhanh, giáo trình vừa viết xong đã có thể lạc hậu. Vấn đề bản quyền đối với học liệu số cũng là một rào cản chưa được giải quyết triệt để. Học liệu số cũng đã được một số cơ sở đào tạo chú ý xây dựng nhưng thực tế còn chưa đáp ứng được yêu cầu chung của công tác đào tạo ngành luật nói chung và đào tạo liên ngành luật công nghệ nói riêng. Tuy nhiên, thực tế chi phí để xây dựng chương trình, đầu tư xây dựng nguồn học liệu số cũng sẽ rất lớn, cho nên nhiều cơ sở đào tạo luật cũng chưa có nguồn kinh phí đủ lớn để đầu tư cho học liệu số.

Năm là, chất lượng đầu ra chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Thị trường lao động pháp lý tại Việt Nam đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ. Các doanh nghiệp, đặc biệt là các công ty công nghệ và doanh nghiệp FDI, đang "khát" nhân lực pháp lý có hiểu biết về công nghệ. Thực hiện yêu cầu của Nghị quyết 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, dự báo giai đoạn 2025 - 2030, nhu cầu về tuyển dụng, bố trí, sử dụng cán bộ có trình độ cử nhân luật tại Bộ Tư pháp và hệ thống thi hành án dân sự tiếp tục tăng, với số lượng khoảng 30 người/năm đối với các đơn vị thuộc Bộ và khoảng 200 người/năm đối với hệ thống thi hành án dân sự [11]. Theo thống

kê, hàng năm Việt Nam có khoảng 5000 cử nhân Luật tốt nghiệp tạo ra nguồn cung dồi dào cho thị trường lao động. Tuy nhiên, điều này dẫn đến sự bão hòa cục bộ ở phân khúc nhân lực chất lượng trung bình, trong khi vẫn thiếu hụt trầm trọng nhân lực chất lượng cao đặc biệt là nhân lực am hiểu về kiến thức chuyên ngành luật cũng như về công nghệ. Các khảo sát cho thấy nhiều cử nhân luật ra trường không soạn thảo nổi một hợp đồng cơ bản, yếu ngoại ngữ và hoàn toàn lúng túng trước các công cụ công nghệ pháp lý. Doanh nghiệp thường phải mất thời gian và chi phí đào tạo lại. Đặc biệt, thị trường cần các chuyên viên pháp chế có thể tư vấn về bảo mật dữ liệu (theo Nghị định 13/2023/NĐ-CP) giao dịch điện tử, sở hữu trí tuệ trong môi trường số, và quản trị rủi ro cho các dự án chuyển đổi số.

3.4. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả phát triển tư duy liên ngành Luật - Công nghệ trong đào tạo nhân lực ngành luật ở Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, cần xác định rõ định hướng, mục tiêu đào tạo nguồn lực ngành luật trong tương lai. Nhân lực ngành luật phải đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số, đặt trong bối cảnh kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, có khả năng làm việc có yếu tố quốc tế, kết nối toàn cầu, có khả năng giải quyết các vấn đề pháp lý mới nảy sinh, đáp ứng yêu cầu của công cuộc chuyển đổi số của toàn xã hội.

Thứ hai, nhóm giải pháp về đổi mới chương trình và phương pháp đào tạo. Cần thực hiện một cuộc thay đổi trong thiết kế chương trình đào tạo luật, chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực. Các trường đào tạo luật cần mạnh dạn đưa các môn học như Cơ sở dữ liệu và Phân tích dữ liệu, Tư duy thiết kế cho Luật sư, Nhập môn Trí tuệ nhân tạo và Đạo đức học vào chương trình bắt buộc. Thay đổi tư duy dạy các môn công nghệ như tin học đại cương mà phải gắn liền với ứng dụng pháp lý. Đồng thời, khuyến khích mở các chuyên ngành hoặc mã ngành mới như "Luật và Công nghệ", "Luật An ninh mạng" để đào tạo chuyên sâu. Thay đổi phương pháp giảng dạy từ thuyết giảng sang học qua dự án. Sinh viên cần được đặt vào

các tình huống thực tế, yêu cầu họ phải "thấu cảm" người dùng, "xác định" vấn đề pháp lý và "thiết kế" giải pháp (có thể là một quy trình, một văn bản đơn giản hóa, hoặc một ứng dụng nhỏ).

Thứ ba, nhóm giải pháp về phát triển hệ sinh thái thực hành. Các cơ sở đào tạo nhân lực ngành luật cần đầu tư xây dựng các không gian sáng tạo như Thành lập các phòng thực hành pháp luật - công nghệ nơi sinh viên luật có thể làm việc cùng sinh viên ngành công nghệ để phát triển các sản phẩm công nghệ pháp lý. Đây cũng là nơi ươm tạo các ý tưởng khởi nghiệp của sinh viên. Đồng thời, thực hiện tăng cường hợp tác Doanh nghiệp công nghệ với cơ sở đào tạo trong đó đẩy mạnh ký kết hợp tác với các công ty công nghệ và hãng luật lớn. Doanh nghiệp không chỉ là nơi nhận thực tập mà cần tham gia vào quá trình xây dựng chương trình, cử chuyên gia sang giảng dạy và cung cấp dữ liệu thực tế cho sinh viên nghiên cứu. Khuyến khích sinh viên tham gia các giải thưởng nghiên cứu khoa học uy tín như Euréka với các đề tài về công nghệ mới. Các nghiên cứu này giúp sinh viên tự chủ động cập nhật kiến thức và rèn luyện tư duy phản biện.

Thứ tư, nhóm giải pháp nâng cao năng lực giảng viên. Đội ngũ giảng viên là yếu tố then chốt như tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu về công nghệ và phương pháp giảng dạy hiện đại cho giảng viên luật hiện hữu. Cơ chế thỉnh giảng linh hoạt: Mời các chuyên gia từ các công ty công nghệ tham gia giảng dạy các học phần chuyên sâu để bù đắp sự thiếu hụt kiến thức thực tiễn của giảng viên cơ hữu. Ngoài ra, cần thực hiện nghiên cứu liên ngành, khuyến khích giảng viên thực hiện các đề tài nghiên cứu phối hợp với các khoa kỹ thuật, công nghệ để nâng cao trình độ chuyên môn.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về ứng dụng khoa học công nghệ số đối với giảng viên, nghiên cứu viên, người làm công tác giảng dạy ngành luật để góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo ngành luật, ứng dụng khoa học công nghệ trong giảng dạy và thực hành nghề luật.

Thứ năm, cần có nguồn lực đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng hệ thống học liệu số, các mô

hình thực tế ảo để tạo nền tảng cho việc đào tạo chuyên ngành luật. Cần phải đặt mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực ngành Luật vừa đảm bảo có khả năng ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại vừa nắm vững được lý luận, tư duy của chuyên ngành luật. Để thực hiện được những nội dung này, các cơ sở đào tạo luật cần nhanh chóng đầu tư hệ thống công nghệ, phần mềm, thực tế ảo, hệ thống học liệu,... từ đó thúc đẩy việc vận dụng công nghệ trong đào tạo chuyên ngành luật.

Thứ sáu, nâng cao năng lực những người hành nghề luật hiện tại. Về cơ bản, những người hành nghề luật hiện tại thường là người đã có kinh nghiệm, có nghiên cứu sâu về các mảng pháp luật. Tuy nhiên, năng lực vận dụng khoa học công nghệ vào hoạt động nghề luật còn chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của hiện tại. Cho nên, việc đào tạo thêm về kỹ năng công nghệ, vận dụng công nghệ trong hoạt động nghề nghiệp, tăng cường vận dụng công nghệ vào giải quyết các vụ án, tìm các giải pháp pháp lý là rất cần thiết. Ví dụ như phiên toà trực tuyến, chứng cứ điện tử, số hoá hồ sơ, phân tích tình huống pháp lý, tra cứu dữ liệu văn bản luật,... đều là những hoạt động của nghề luật cơ bản mà liên quan công nghệ.

4. Kết luận

Phát triển tư duy liên ngành Luật - Công nghệ không còn là một lựa chọn mang tính xu hướng mà đã trở thành yêu cầu sống còn đối với sự tồn tại và phát triển của ngành đào tạo luật tại Việt Nam. Khoảng cách giữa đào tạo nhân lực ngành luật và thực tiễn nhu cầu từ thị trường lao động đang tạo ra những rào cản lớn cho quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền số và hội nhập quốc tế. Để giải quyết vấn đề này, cần một sự thay đổi toàn diện từ tư duy quản lý, thiết kế chương trình, cho đến phương pháp giảng dạy. Mô hình đào tạo tương lai phải hướng tới việc tạo ra những nhân sự nghề luật có tư duy đa ngành, đa lĩnh vực nói chung và tư duy liên ngành Luật - Công nghệ nói riêng. Cần sự kết hợp hài hoà giữa những người có trái tim nóng của công lý, cái đầu lạnh của tư duy pháp lý và đôi tay thành thạo công nghệ. Chỉ khi đó, Việt Nam mới có thể tự tin bước vào kỷ nguyên số với

một hệ thống tư pháp hiện đại, minh bạch và hiệu quả, hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Tài liệu tham khảo

- [1] R.A. Smathers (2015). The 21st-Century T-Shaped Lawyer, Connecticut Lawyer, pp. 24-27.
- [2] L.A. Nkansah (2024). A Framework For An Interdisciplinary Legal Research Methodology: A Proposed Step by Step Approach. *Kwame Nkrumah University of Science & Technology*. <https://cils.law.hku.hk/law-and/a-framework-for-an-interdisciplinary-legal-research-methodology/> (truy cập 01/12/2025).
- [3] T.S. Phan (2017). Tư duy lý luận. *Tạp chí Lý luận chính trị*, 1, 2017. <https://lyluanchinhtri.vn/tu-duy-ly-luan-110.html> (truy cập 01/12/2025).
- [4] Morae (2024). How (and Why) To Become a T-Shaped Lawyer. <https://www.morae.com/insights/how-and-why-to-become-a-t-shaped-lawyer/> (truy cập ngày 12/3/2024)
- [5] Dilek Küçük & Fazli Can (2025). Computational Law: Datasets, Benchmarks, and Ontologies. DOI:10.48550/arXiv.2503.04305
- [6] Trường Luật Thanh Hoa. (2018) Computational Law Forum. <https://www.law.tsinghua.edu.cn/en/info/1060/1193.htm> (truy cập 01/12/2025).
- [7] APRU (Association of Pacific Rim Universities) (2023). Tsinghua S22425 Program. <https://vse.apru.org/tsinghua-s22425/> (truy cập 01/12/2025).
- [8] Tsinghua University (2023). Academic Program Information. <https://www.law.tsinghua.edu.cn/info/1080/12949.htm> (truy cập 01/12/2025).
- [9] VnExpress (2024). Tỷ lệ giảng viên là giáo sư, tiến sĩ cao nhất từ trước tới nay. <https://vnexpress.net/ty-le-giang-vien-la-giao-su-tien-si-cao-nhat-tu-truoc-toi-nay-4940563.html> (truy cập 01/12/2025).
- [10] Tạp chí Luật sư Việt Nam (2023). Tỷ lệ giảng viên đại học có chức danh giáo sư ở Việt Nam. <https://lsvn.vn/ty-le-giang-vien-dai-hoc-co-chuc-danh-giao-su-o-viet-nam-chi-dat-0891663143659-a123873.html> (truy cập 01/12/2025).
- [11] Tạp chí Dân chủ và Pháp luật (2024). Dự báo nhu cầu nguồn nhân lực có trình độ cử nhân luật giai đoạn 2025–2030. <https://danchuphapluat.vn/du-bao-nhu-cau-nguon-nhan-luc-co-trinh-do-cu-nhan-luat-giai-doan-2025-2030-5195.html> (truy cập 01/12/2025).